TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/LĐ-ST
Ngày: 29-01-2026
V/v tranh chấp hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Hải.

Ông Lê Văn Ngôn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trần Vy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh xét xử công khai vụ án thụ lý số 02/2025/TLST-LĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về "*Tranh chấp hợp đồng lao động"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-LĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Hồ Thị T**, sinh năm 1991;
Địa chỉ: Tổ A ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*:
1/ **Công ty TNHH P.**
Địa chỉ: Lô A, khu A, Đường số A Cụm C, phường K, tỉnh Tây Ninh.
2/ Bà **Mai Thị Minh K**, sinh năm 1996;
Địa chỉ: Ấp D, xã M, tỉnh Tây Ninh.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bảo hiểm xã hội cơ sở C, tỉnh Đồng Tháp.
Địa chỉ: Ấp C, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà T, bà K có đơn xin vắng mặt, đại diện theo pháp luật Công ty P, đại diện theo pháp luật của Bảo hiểm xã hội cơ sở C, tỉnh Đồng Tháp vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2025 và các lời trình bày của bà Hồ Thị T trong hồ sơ có nội dung:

Tháng 3/2010, bà T có ký kết và thực hiện Hợp đồng lao động với Công ty TNHH P1; Địa chỉ: D Quốc lộ A, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình làm việc, bà T có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và đã được Bảo hiểm xã hội cấp sổ bảo hiểm xã hội số 7910097709. Đến tháng 5/2012, bà T nghỉ việc và đã được Bảo hiểm xã hội chi trả tiền hưởng bảo hiểm xã hội 1 lần và tiền trợ cấp thất nghiệp.

Đến tháng 4/2016, bà T có ký kết và thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH T6; Địa chỉ: Lô A, Đường D, Khu công nghiệp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Trong quá trình làm việc, bà T có tham gia Bảo hiểm xã hội bắt buộc và đã được Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp sổ Bảo hiểm xã hội số 8012005681. Đến tháng 2/2024, bà T chấm dứt hợp đồng lao động. Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Tiền Giang đã tiến hành chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà T. Từ đó đến nay, bà T không làm việc tại đơn vị nào khác và không tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội.

Hiện nay, bà T đã nộp hồ sơ xin hưởng bảo hiểm xã hội một lần thì mới biết được vào thời điểm năm 2012, bà Mai Thị Minh K là bạn bà T, khi đó chưa đủ tuổi ký kết hợp đồng lao động nên đã mượn Giấy chứng minh nhân dân của bà T để lập hồ sơ xin việc, ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P2; Địa chỉ: Cụm C, thành phố T, tỉnh Long An. Bà K được Bảo hiểm xã hội cấp số Bảo hiểm xã hội từ tháng 4/2012 đến tháng 7/2014 (trùng với thời điểm bà T nghỉ việc tại Công ty TNHH P1 và đã được Bảo hiểm xã hội chi trả tiền hưởng bảo hiểm xã hội 1 lần và tiền trợ cấp thất nghiệp). Vì lý do này nên Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Tiền Giang không thể giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho bà T.

Nhận thấy hành vi của bà K đã sử dụng Giấy chứng minh nhân dân của bà T để lập hồ sơ xin việc, ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P2 và tham gia bảo hiểm xã hội là hành vi không đúng khi ký kết hợp đồng lao động, vi phạm nguyên tắc trung thực, điều đó đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Do đó, để bảo vệ quyền lợi của mình, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

- Tuyên vô hiệu Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH P2 và bà Hồ Thị T (người lao động thực tế là bà Mai Thị Minh K).

- Điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội số 8012005681 do Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Hồ Thị T (trong khoảng thời gian từ tháng 4/2012 đến tháng 7/2014) thành tên Mai Thị Minh K để cả hai cùng hưởng bảo hiểm xã hội khi nghỉ việc.

Ngày 29/01/2026, bà T có đơn xin được vắng mặt tại phiên toà.

Bị đơn, Công ty TNHH P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án:

Công ty TNHH P đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng Công ty TNHH P không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của Công ty TNHH P đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Phiên tòa hôm nay,

Công ty TNHH P cũng vắng mặt dù đã được tống đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn, bà Mai Thị Minh K trình bày:

Bà K và bà Hồ Thị T có quan hệ bạn bè nên vào tháng 4/2012, bà K có mượn Giấy chứng minh nhân dân của bà T để lập hồ sơ xin việc, ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P. Trong quá trình làm việc, bà có tham gia Bảo hiểm xã hội bắt buộc và đã được cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp sổ Bảo hiểm xã hội số 8012005681 mang tên Hồ Thị T nhưng người lao động thực tế là bà K. Thời gian làm việc đến tháng 7/2014 thì bà K nghỉ việc.

Hiện nay, bà Hồ Thị T khởi kiện yêu cầu tòa án điều chỉnh sổ bảo hiểm số 8012005681 do cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp cho bà Hồ Thị T (lao động thực tế là bà K). Trước yêu cầu khởi kiện của bà T, bà K đồng ý và thống nhất với toàn bộ yêu cầu của bà T. Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Đồng thời, do bận công việc nên bà đề nghị Tòa án xem xét cho bà được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Bảo hiểm xã hội cơ sở C, tỉnh Đồng Tháp (trước đây là Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Tiền Giang) vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án:

Bảo hiểm xã hội cơ sở C, tỉnh Đồng Tháp đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cơ quan Bảo hiểm xã hội cơ sở C, tỉnh Đồng Tháp không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của cơ quan Bảo hiểm xã hội cơ sở C, tỉnh Đồng Tháp đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Phiên tòa hôm nay, cơ quan Bảo hiểm xã hội cơ sở C, tỉnh Đồng Tháp cũng vắng mặt dù đã được tống đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Mai Thị Minh K (nhưng sử dụng chứng minh nhân dân Hồ Thị T) ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P, điều chỉnh lại sổ bảo hiểm xã hội cho phù hợp nhân thân thực tế của người lao động tham gia bảo hiểm xã hội và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Hồ Thị T khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng lao động" với bà Mai Thị Minh K, Công ty TNHH P có địa chỉ cư trú, địa chỉ trụ sở và nơi thực hiện hợp đồng lao động tại phường K nên căn cứ vào Điều 32; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Nguyên đơn là bà Hồ Thị T, Bị đơn là bà Mai Thị Minh K, Công ty TNHH P; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cơ quan Bảo hiểm xã hội cơ sở C, tỉnh Đồng Tháp (trước đây là Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Tiền Giang): Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập các đương sự đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng Công ty TNHH P, cơ quan Bảo hiểm xã hội cơ sở C, tỉnh Đồng Tháp không chấp hành. Riêng bà T, bà K đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về hợp đồng lao động đang tranh chấp: Do nguyên đơn không cung cấp được hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Hồ Thị T (nhưng thực tế làm việc là Mai Thị Minh K) và Công ty TNHH P. Mặt khác, Công ty TNHH P cũng không hợp tác để cung cấp thêm thông tin có liên quan đến hợp đồng lao động giữa Công ty với bà T. Tuy nhiên, căn cứ vào Sổ bảo hiểm xã hội số 8012005681 mang tên Hồ Thị T do cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp lần 1 vào năm 2012 xác định bà Hồ Thị T giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P vào tháng 4/2012. Dù hợp đồng lao động mang tên bà Hồ Thị T nhưng thực tế thì bà T không có làm việc tại đây mà người làm việc tại đây là bà Mai Thị Minh K. Trong thời gian này, bà Hồ Thị T đang làm việc tại Công ty TNHH P1; Địa chỉ: D Quốc lộ A, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và đã được Bảo hiểm xã hội cấp sổ bảo hiểm xã hội số 7910097709. Trong quá trình làm việc, bà K có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và đã được cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp mã số BHXH 8012005681 mang tên Hồ Thị T. Đến tháng 7/2014, bà K đã nghỉ việc tại Công ty TNHH P. Tháng 4/2016, bà T có ký kết và thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH T6; Địa chỉ: Lô A, Đường D, Khu công nghiệp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang và được cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp lại sổ bảo hiểm xã hội có mã số BHXH 8012005681 mang tên Hồ Thị T lần 2 vào ngày 16/8/2016.

[4] Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 04/2012 đến tháng 5/2012 thì bà T đang được cấp 02 sổ bảo hiểm xã hội số BHXH 8012005681 do Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Tiền Giang và số sổ Bảo hiểm xã hội số 7910097709 do cơ quan Bảo hiểm xã hội Thành phố H cấp cho Hồ Thị T, sinh năm 1991 có số chứng minh nhân dân số 312067999. Do các mã số bảo hiểm xã hội được cấp cho người lao động đều căn cứ từ các hợp đồng lao động được ký kết giữa người lao động với các tổ chức có nhu cầu sử dụng lao động nên dù các đương sự không cung cấp được các hợp đồng lao động trên nhưng cũng đủ căn cứ xác định tại thời điểm tháng 4/2012 thì tồn tại 02 hợp đồng lao động mang tên bà Hồ Thị T. Do hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Hồ Thị T và Công ty TNHH P nhưng người thực tế thực hiện hợp đồng lao động là bà Mai Thị Minh K do bà K đã sử dụng giấy chứng minh nhân dân của bà T để xác lập hợp đồng lao động từ tháng 4/2012 đến tháng 7/2014. Như vậy, hợp đồng lao động được xác lập trong trường hợp này là hợp đồng lao động vô hiệu do không đảm bảo nguyên tắc trung thực khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 17 và Điều 50 Bộ luật lao động.

[5] Hành vi dùng chứng minh nhân dân của người khác và hành vi cho người khác dùng giấy chứng minh nhân dân của mình để xác lập giao dịch đều là hành vi trái pháp luật, với lỗi cố ý. Do đó, hợp đồng lao động bị vô hiệu trong trường hợp này không phải do lỗi

của Công ty TNHH P. Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH P và bà Hồ Thị T (thực tế làm việc là bà là bà Mai Thị Minh K) được ký kết vào tháng 4/2012.

[6] Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Hồ Thị T (thực tế làm việc là bà là bà Mai Thị Minh K) được ký kết với Công ty TNHH P thời gian tháng 4/2012 nên cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp sổ bảo hiểm xã hội số 8012005681 mang tên Hồ Thị T là phù hợp quy định. Tuy nhiên, do hợp đồng lao động bị vô hiệu nhưng người lao động thực tế vẫn tham gia bảo hiểm xã hội nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải điều chỉnh thông tin về nhân thân trong sổ bảo hiểm theo quá trình thực tế tham gia bảo hiểm của người lao động thì mới đảm bảo quyền lợi cho người lao động khi tham gia bảo hiểm xã hội nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc điều chỉnh nhân thân trong sổ bảo hiểm xã hội số 8012005681.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bà Hồ Thị T tự nguyện chịu án phí lao động nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà T chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000đ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 17; Điều 50 Bộ luật lao động; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Mai Thị Minh K (nhưng sử dụng giấy chứng minh nhân dân của bà Hồ Thị T) và Công ty TNHH P.

Tuyên bố hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Mai Thị Minh K (nhưng sử dụng giấy chứng minh nhân dân của bà Hồ Thị T) và Công ty TNHH P vô hiệu.

2. Điều chỉnh nội dung các thông tin về nhân thân của bà Hồ Thị T ghi trong Sổ bảo hiểm xã hội số sổ 8012005681 trong khoảng thời gian từ tháng 4/2012 đến tháng 7/2014 của Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở C, tỉnh Đồng Tháp) thành thông tin về nhân thân của bà Mai Thị Minh K.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Hồ Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí lao động sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0006137 ngày 08/10/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Tây Ninh, bà T đã nộp xong.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THA cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Kiều Trinh